TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2023/HSST
Ngày 07-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vui

2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:** Ông Lê Giang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2023/HSST ngày 03/10/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST– HS ngày 16/11/2023 và quyết định hoãn phiên tòa xét xử số: 08/2023/QĐST – HS ngày 30/11/2023 đối với

1. Các bị cáo:

1.1. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979, nơi sinh: Tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp Hưng Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, Bình Phước; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Nguyễn Văn Gi, sinh năm: 1951 (đã chết) và bà Lê Thị B, sinh năm: 1951. Bị cáo có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm: 1973, nhỏ nhất là bị cáo. có vợ và 04 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án: không có; tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 30/5/2023 cho đến ngày 08/9/2023 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

1.2. Trần Minh H, sinh năm 2003, nơi sinh: Tỉnh Bình Phước; Nơi cư trú: Khu phố Ninh Thành, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Trần Minh C, sinh năm: 1979 và bà Nguyễn Thị

Hồng V, sinh năm: 1977. Bị cáo có 02 anh chị em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2006. Tiền án: không có; tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 30/5/2023 cho đến ngày 08/9/2023 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

1.3. Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 2002, nơi sinh: Tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp Hưng Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con của ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1979 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1983. Bị cáo có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm: 1999, nhỏ nhất sinh năm 2023. Tiền án: không có; tiền sự: không có;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 30/5/2023 cho đến ngày 08/9/2023 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

2.1. Trịnh Thị Kim D, sinh năm 1993

Nơi thường trú: Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh

Có mặt tại phiên tòa

2.2. Lê Thị Th, sinh năm1972

Nơi thường trú: Khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh.

Có mặt tại phiên tòa

2.3. Phạm Thị Thuỳ Tr, sinh năm 1991

Nơi thường trú: Khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh

Vắng mặt tại phiên tòa

2.4. Bùi Thị D, sinh năm 1976

Nơi thường trú: Khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh

Vắng mặt tại phiên tòa

2.5. Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1976

Nơi thường trú: Khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh

Vắng mặt tại phiên tòa

2.6. Phạm Thị Nh, sinh năm 1960

Nơi thường trú: Ấp 10, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh

Vắng mặt tại phiên tòa

2.7. Đoàn Thị Xanh, sinh năm 1969

Nơi thường trú: Ấp Hưng Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh

Vắng mặt tại phiên tòa

2.8. Trần Văn C, sinh năm 1969

Nơi thường trú: Ấp Hưng Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh

Vắng mặt tại phiên tòa

2.9. Nguyễn Văn L, sinh năm 1964

Nơi thường trú: Ấp Hưng Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9/2022, thông qua các trang mạng xã hội, Nguyễn Thanh Nh thấy nhiều người kiếm tiền bằng hình thức cho vay tiền nên nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất 01%/ngày. Sau đó, Nh gặp Trần Minh H và bàn bạc với H về việc cho vay tiền thì H đồng ý. Do không có nguồn tiền để cho vay nên Nh và H đến nhà của Nh tại ấp Hưng Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh gặp Nguyễn Thanh T, là cha ruột của Nh. Tại đây, sau khi nghe Nh và H nói ý định cho người khác vay tiền để thu tiền lãi với lãi suất 01%/ngày nhằm kiếm thêm thu nhập, T đồng ý và thỏa thuận thống nhất như sau: T sẽ đi vay tiền với lãi suất thấp để cho vay lại với lãi suất cao hơn nhằm hưởng chênh lệch, Nh sẽ tìm người có nhu cầu vay tiền, còn H sẽ gặp người vay để tư vấn về lãi suất cho vay, cách thức đóng tiền lãi, viết và đứng tên trên các giấy vay tiền. Hằng ngày, H sẽ thu tiền lãi bằng cách nhận chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng Quân đội số 0328.63.78.77 của H hoặc sẽ trực tiếp đi thu. Sau đó, H đưa tiền lãi thu được cho Nh hoặc chuyển vào tài khoản Ngân hàng Quân đội số 0337.11.59.28 của Nh để Nh đưa lại cho T. Sau khi viết giấy vay tiền cho người vay, H sẽ đưa cho T cất giữ và sẽ được T trả tiền công là 15.000.000đ/tháng.

Sau khi bàn bạc thống nhất với nhau xong, ngày 11/9/2022, Nguyễn Thanh Nh sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook tên "Thanh Nh" đăng tải lên trang hội nhóm "Dân Lộc Ninh" bài viết có nội dung "em hỗ trợ vay tiêu dùng. Ko qua app. Ko qua ngân hàng. Có tiền liền. không lừa đảo ai cần ib hoặc điện thoại em 0337.11.59.28" để nhằm tìm kiếm người có nhu cầu vay tiền. Trần Minh H lấy mẫu giấy mượn tiền trên mạng tải về chỉnh sửa để dùng cho vay. Còn T đến gặp chị Đoàn Thị Xanh, sinh

năm: 1969, vợ chồng anh Trần Văn C, sinh năm: 1969 và vợ chồng anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1964 cùng ngụ ấp Hưng Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh để hỏi vay tiền. T vay của chị X số tiền 200.000.000đ với lãi suất 5%/tháng, vay của vợ chồng anh Lành số tiền 100.000.000đ với lãi suất 5%/tháng và vay của vợ chồng anh Cường 02 lần với tổng số tiền 65.000.000đ với lãi suất 6%/tháng.

Đến ngày 03/10/2022, do có nhu cầu cần vay tiền và biết thông tin Nh đăng tải trên mạng xã hội nên chị Trịnh Thị Kim D, sinh năm: 1993, ngụ khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh nói cho chị Lê Thị Th, là mẹ ruột của chị Dung, sinh năm: 1977 ngụ cùng địa chỉ biết. Lúc này, chị Thắng cũng có nhu cầu vay tiền nên gọi điện thoại đến số 0337.11.59.28 của Nh để hỏi vay tiền, Nh nghe máy và hẹn sẽ có người gọi lại để tư vấn. Sau đó, Nh đưa số điện thoại của chị Thắng cho H. H sử sụng số điện thoại 0328.63.78.77 gọi lại cho chị Thắng để tư vấn, H nói cho vay tiền dưới hình thức vay "đứng", tức là đóng tiền lãi hàng ngày, tiền gốc vẫn giữ nguyên, lãi suất vay 1.000.000đ, tiền lãi 01 ngày là 10.000đ tức là 1%/ngày, nghe vậy, chị Thắng và chị Dung đồng ý vay nên H hẹn chị Dung và chị Thắng xuống quán cà phê gần cổng chào ấp Hưng Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh để làm thủ tục vay tiền.

Do có làm ăn chung với chị Phạm Thị Thuỳ Tr, sinh năm: 1991, ngụ khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh và biết Trang cũng có nhu cầu vay tiền nên chị Dung nói lại sự việc vay tiền của H cho chị Trang biết thì chị Trang đồng ý vay.

Tương tự như chị Dung, chị Bùi Thị D, sinh năm: 1976, ngụ khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh biết được thông tin Nh đăng tải cho vay tiền, chị Duyên liên hệ và được H tư vấn cho vay tiền. Sau khi vay được tiền, chị Duyên giới thiệu cho chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm: 1976, ngụ khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh và chị Phạm Thị Nh, sinh năm: 1960, ngụ ấp 10, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh để gặp H vay tiền.

Bằng cách thức trên, từ ngày 03/10/2022, H cùng T và Nh đã cho chị Trịnh Thị Kim D, Lê Thị Th, Phạm Thị Thuỳ Tr, Bùi Thị D, Nguyễn Thị Thu Tr và Phạm Thị Nh vay tổng cộng 275.000.000đ cụ thể như sau:

- Chị Trịnh Thị Kim D vay 04 lần với tổng số tiền là 65.000.000đ, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 03/10/2022, chị Dung vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất 01%/ngày, tương đương 365%/năm, tiền lãi mỗi ngày phải đóng cho khoản vay này là 200.000đ. T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Dung đến hết ngày 01/12/2022 (60 ngày) là: 200.000đ x 60 ngày = 12.000.000đ.

Trong khoản vay này, tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 20%/365 ngày x 20.000.000đ x 60 ngày = 657.534đ.

* Số tiền lãi thu lợi bất chính = (số tiền lãi thực tế đã thu được) – (số tiền thu lợi hợp pháp (20%)) = 12.000.000đ - 657.534đ = 11.342.466đ.

+ Lần 2: Ngày 19/10/2022, chị Dung vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, tiền lãi mỗi ngày phải đóng cho khoản vay này là 100.000đ. T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Dung đến hết ngày 01/12/2022 (44 ngày) là: 100.000đ x 44 ngày = 4.400.000đ.

Trong khoản vay này, tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 20%/365ngày x 10.000.000đ x 44 ngày = 241.096đ.

* Số tiền lãi thu lợi bất chính = (số tiền lãi thực tế đã thu được) – (số tiền thu lợi hợp pháp (20%)) = 4.400.000đ - 241.096đ = 4.158.904đ.

+ Lần 3: Ngày 01/11/2022, chị Dung vay 20.000.000đ, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, tiền lãi mỗi ngày phải đóng cho khoản vay này là 200.000đ. T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Dung đến hết ngày 01/12/2022 (31 ngày) là: 200.000đ x 31 ngày = 6.200.000đ.

Trong khoản vay này, tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 20%/365 ngày x 20.000.000đ x 31 ngày = 339.726đ.

* Số tiền lãi thu lợi bất chính = (số tiền lãi thực tế đã thu được) – (số tiền thu lợi hợp pháp (20%)) = 6.200.000đ - 339.726đ = 5.860.274đ.

+ Lần 4: Ngày 10/11/2022, chị Dung vay 15.000.000đ lãi suất là 1,5%/ngày, tương đương 547,5%/năm, tiền lãi một ngày là 225.000đ. T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Dung đến hết ngày 01/12/2022 (22 ngày) là: 225.000đ x 22 ngày = 4.950.000đ.

Trong khoản vay này, tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 20%/365 ngày x 15.000.000đ x 22 ngày = 180.822đ.

* Số tiền lãi thu lợi bất chính = (số tiền lãi thực tế đã thu được) – (số tiền thu lợi hợp pháp (20%))= 4.950.000đ - 180.822đ = 4.769.178đ.

Như vậy, T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Dung với tổng số tiền là: 12.000.000đ + 4.400.000đ + 6.200.000đ + 4.950.000đ = 27.550.000đ, trong đó: Tiền lãi hợp pháp là: 657.534đ + 241.096đ + 339.726đ + 180.822đ = 1,419,178đ; Tiền thu lợi bất chính là: 11.342.466đ + 4.158.904đ + 5.860.274đ + 4.769.178đ = 26.130.822đ.

- Chị Lê Thị Th vay 03 lần với tổng số tiền là 70.000.000đ, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 03/10/2022, chị Thắng vay 20.000.000đ, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, tiền lãi mỗi ngày phải đóng là 200.000đ. T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Thắng đến hết ngày 01/12/2022 (60 ngày) là: 200.000đ x 60 ngày = 12.000.000đ.

Trong khoản vay này, tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 20%/365 ngày x 20.000.000đ x 60 ngày = 657.534đ.

* Số tiền lãi thu lợi bất chính = (số tiền lãi thực tế đã thu được) – (số tiền thu lợi hợp pháp (20%)) = 12.000.000đ - 657.534đ = 11.342.466đ.

+ Lần 2: Ngày 14/10/2022, chị Thắng vay 20.000.000đ, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, tiền lãi mỗi ngày phải đóng là 200.000đ. T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Thắng đến hết ngày 01/12/2022 (49 ngày) là: 200.000đ x 49 ngày = 9.800.000đ.

Trong khoản vay này, tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 20%/365 ngày x 20.000.000đ x 49 ngày = 536.986đ.

* Số tiền lãi thu lợi bất chính = (số tiền lãi thực tế đã thu được) – (số tiền thu lợi hợp pháp (20%)) = 9.800.000đ - 536.986đ = 9.263.014đ.

+ Lần 3: Ngày 01/11/2022, chị Thắng vay số tiền 30.000.000đ, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, tiền lãi mỗi ngày phải đóng là 300.000đ. T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Thắng đến hết ngày 01/12/2022 (31 ngày) là: 300.000đ x 31 ngày = 9.300.000đ.

Trong khoản vay này, tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 20%/365 ngày x 30.000.000đ x 31 ngày = 509.589đ.

* Số tiền lãi thu lợi bất chính = (số tiền lãi thực tế đã thu được) – (số tiền thu lợi hợp pháp (20%)) = 9.300.000đ - 509.589đ = 8.790.411đ.

Như vậy, T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Thắng với tổng số tiền là: 12.000.000đ + 9.800.000đ + 9.300.000đ = 31.100.000đ, trong đó: tiền lãi hợp pháp là: 657.534đ + 536.986đ + 509.589đ = 1.704.110đ; Tiền thu lợi bất chính là: 11.342.466đ + 9.263.014đ + 8.790.411đ = 29.395.890đ.

- Chị Phạm Thị Thuỳ Tr vay 02 lần với tổng số tiền là 40.000.000đ, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 03/10/2022, chị Trang vay 20.000.000đ, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, tiền lãi mỗi ngày phải đóng là 200.000đ. T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Trang đến hết ngày 01/12/2022 (60 ngày) là: 200.000đ x 60 ngày = 12.000.000đ.

Trong khoản vay này, tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 20%/365 ngày x 20.000.000đ x 60 ngày = 657.534đ.

* Số tiền lãi thu lợi bất chính = (số tiền lãi thực tế đã thu được) – (số tiền thu lợi hợp pháp (20%)) = 12.000.000đ - 657.534 đ = 11.342.466đ.

Quá trình điều tra xác định được, trong khoản vay này, sau khi ký giấy vay và nhận tiền từ Trần Minh H, chị Thùy Trang đưa lại cho chị Trịnh Thị Kim D số tiền 10.000.000đ. Hằng ngày, chị Trang đưa cho chị Dung số tiền 100.000đ và chị Dung bỏ ra 100.000đ để chuyển khoản trả lãi cho H. Do đó, tiền thu lợi bất chính mà T, H và Nh thu được của chị Trang là 5.671.233đ.

+ Lần 2: Ngày 01/11/2022, chị Trang vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, tiền lãi mỗi ngày phải đóng là 200.000đ. T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Trang đến hết ngày 01/12/2022 (31 ngày) là: 200.000đ x 31 ngày = 6.200.000đ.

Trong khoản vay này, tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 20%/365 ngày x 20.000.000đ x 31 ngày = 339.726đ.

* Số tiền lãi thu lợi bất chính = (số tiền lãi thực tế đã thu được) – (số tiền thu lợi hợp pháp (20%)) = 6.200.000đ - 339.726đ = 5.860.274đ.

Quá trình điều tra xác định được, trong khoản vay này, chị Thùy Trang chỉ đứng tên vay tiền của Trần Minh H giùm chị Trịnh Thị Kim D, chị Dung sử dụng tiền và đóng lãi hằng ngày cho H.

Như vậy, T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Trang với tổng số tiền là: 12.000.000đ + 6.200.000đ = 18.200.000đ, trong đó: tiền lãi hợp pháp là: 657.534đ + 339.726đ = 997.260đ; tiền thu lợi bất chính là: 11.342.466đ + 5.860.274đ = 17.202.740đ (Trên thực tế, tiền thu lợi bất chính mà T cùng H và Nh thu được của chị Thùy Trang là 5.671.233đ, số còn lại là tiền thu được của chị Trịnh Thị Kim D).

- Chị Bùi Thị D vay 02 lần với tổng số tiền là 40.000.000đ, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 03/10/2022, chị Duyên vay 20.000.000đ, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, tiền lãi mỗi ngày phải đóng là 200.000đ. T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Duyên đến hết ngày 11/12/2022 (70 ngày) là: 200.000đ x 70 ngày = 14.000.000đ.

Trong khoản vay này, tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 20%/365 ngày x 20.000.000đ x 70 ngày = 767.123đ.

* Số tiền lãi thu lợi bất chính = (số tiền lãi thực tế đã thu được) – (số tiền thu lợi hợp pháp (20%)) = 14.000.000đ - 767.123đ = 13.232.877đ.

+ Lần 2: Ngày 18/10/2022, chị Duyên vay 20.000.000đ, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, tiền lãi mỗi ngày phải đóng là 200.000đ. T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Duyên đến hết ngày 11/12/2022 (55 ngày) là: 200.000đ x 55 ngày = 11.000.000đ.

Trong khoản vay này, tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 20%/365 ngày x 20.000.000đ x 55 ngày = 602.740đ.

* Số tiền lãi thu lợi bất chính = (số tiền lãi thực tế đã thu được) – (số tiền thu lợi hợp pháp (20%)) = 11.000.000đ - 602.740đ = 10.397.260đ.

Như vậy, T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Duyên với tổng số tiền là: 14.000.000đ + 11.000.000đ = 25.000.000đ, trong đó: tiền lãi hợp pháp là: 767.123đ +

602.740đ = 1.369.863đ; tiền thu lợi bất chính là: 13.232.877đ + 10.397.260đ = 23.630.137đ.

- Chị Nguyễn Thị Thu Tr vay 01 lần với số tiền là 30.000.000đ, cụ thể:

+ Ngày 17/10/2022, chị Thu Trang vay số tiền 30.000.000đ, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm. Tiền lãi mỗi ngày phải đóng là 300.000đ. T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Trang đến hết ngày 12/12/2022 (57 ngày) là: 300.000đ x 57 ngày = 17.100.000đ.

Trong khoản vay này, tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 20%/365 ngày x 30.000.000đ x 57 ngày = 936.986đ.

* Số tiền lãi thu lợi bất chính = (số tiền lãi thực tế đã thu được) – (số tiền thu lợi hợp pháp (20%)) = 17.100.000đ - 936.986đ = 16.163.014đ.

Quá trình điều tra xác định được, trong khoản vay này, sau khi ký giấy vay và nhận tiền từ Trần Minh H, chị Thu Trang đã đưa lại cho chị Bùi Thị D số tiền 10.000.000đ. Hằng ngày, chị Thu Trang đóng lãi với số tiền là 200.000đ, chị Duyên đóng lãi với số tiền là 100.000đ.

Như vậy, T cùng H và Nh đã thu lợi bất chính đối với khoản vay này là 16.163.014đ, trong đó: thu lợi của chị Thu Trang số tiền 10.775.342đ; thu lợi của chị Duyên số tiền 5.387.672đ.

- Chị Phạm Thị Nh vay 01 lần với số tiền là 30.000.000đ, cụ thể:

+ Ngày 17/10/2022, chị Nhuần vay số tiền 30.000.000đ, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm. Tiền lãi mỗi ngày phải đóng là 300.000đ. T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của chị Nhuần đến hết ngày 11/12/2022 (56 ngày) là: 300.000đ x 56 ngày = 16.800.000đ.

Trong khoản vay này, tiền lãi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 20%/365 ngày x 30.000.000đ x 56 ngày = 920.548đ.

* Số tiền lãi thu lợi bất chính = (số tiền lãi thực tế đã thu được) – (số tiền thu lợi hợp pháp (20%)) = 16.800.000đ - 920.548đ = 15.879.452đ.

Như vậy, T cùng H và Nh đã thu tiền lãi của những người nêu trên với tổng số tiền là: 27.550.000đ + 31.100.000đ + 18.200.000đ + 25.000.000đ + 17.100.000đ + 16.800.000đ = 135.750.000đ, trong đó:

Số tiền thu lợi hợp pháp theo lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 (20%/năm) là: 1.419.178đ + 1.704.110đ + 997.260đ + 1.369.863đ + 936.986đ + 920.548đ = 7.347.945đ (Bảy triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

Số tiền thu lợi bất chính là: 26.130.822đ + 29.395.890đ + 17.202.740đ + 23.630.137đ + 16.163.014đ + 15.879.452đ = 128,402,055đ (một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm lẻ hai ngàn không trăm năm mươi lăm đồng).

Sau khi thu tiền lãi của những người vay kể trên, T đã trả tiền công cho H 02 tháng với số tiền 30.000.000đ, đưa cho Nh 2.000.000đ để tiêu xài cá nhân, số còn lại T sử dụng trả tiền lãi vay tiền cho chị Đoàn Thị Xanh 30.000.000đ, trả tiền lãi cho anh Nguyễn Văn L 15.000.000đ, trả tiền lãi cho anh Trần Văn C số tiền 9.900.000đ. Số tiền còn lại T tiêu xài vào mục đích cá nhân.

Tại bản cáo trạng số:68/CT-VKS, ngày 27/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự":

Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48, khoản 2 Điều 201; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 17, điều 58, điều 65, khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017đề xuất xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thanh T: từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi

- Bị cáo Trần Minh H: từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi

- Bị cáo Nguyễn Thanh Nh từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi

Phạt bổ sung mỗi bị cáo số tiền từ 30 triệu đến 35 triệu đồng

Đối với số tiền 275.000.000đ, là tiền các bị cáo Nguyễn Thanh T cùng Trần Minh H và Nguyễn Thanh Nh dùng vào việc cho vay lãi nặng nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, hiện số tiền này những người vay chưa trả lại cho các bị can nên đề n ghị Hội đồng xét xử buộc những người vay có trách nhiệm nộp lại để sung ngân sách nhà nước, cụ thể: chị Trịnh Thị Kim D số tiền 95.000.000đ; chị Lê Thị Th số tiền 70.000.000đ; chị Phạm Thị Thuỳ Tr số tiền 10.000.000đ; chị Bùi Thị D số tiền 50.000.000đ; chị Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 20.000.000đ và chị Phạm Thị Nh số tiền 30.000.000đ.

Đối với số tiền 7.347.945đ, là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mà các bị cáoNguyễn Thanh T cùng Trần Minh H và Nguyễn Thanh Nh đã thu được của những người vay nên đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 128,402,055đ, là tiền thu lợi bất chính mà thực tế các bị can Nguyễn Thanh T cùng Trần Minh H và Nguyễn Thanh Nh đã thu nên đề nghị trả lại

cho những người vay, cụ thể: Trả lại cho chị Trịnh Thị Kim D số tiền 37.622.329đ; trả lại cho chị Phạm Thị Thuỳ Tr số tiền 5.671.233đ; trả lại cho chị Lê Thị Th số tiền 29.395.890đ; trả lại cho Bùi Thị D số tiền 29.017.809đ; trả lại cho Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 10.775.342đ và trả lại cho chị Phạm Thị Nh số tiền 15.879.452đ.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lộc Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên toà xét xử công khai hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lấy lãi cao trong giao dịch dân sự của mình.

Căn cứ lời khai của các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng và kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nên có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 03/10/2022, do có nhu cầu cần vay tiền và biết thông tin Nh đăng tải trên mạng xã hội nên chị Trịnh Thị Kim D, sinh năm: 1993, ngụ khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh nói cho chị Lê Thị Th, là mẹ ruột của chị Dung, sinh năm: 1977 ngụ cùng địa chỉ biết. Lúc này, chị Thắng cũng có nhu cầu vay tiền nên gọi điện thoại đến số 0337.11.59.28 của Nh để hỏi vay tiền, Nh nghe máy và hẹn sẽ có người gọi lại để tư vấn. Sau đó, Nh đưa số điện thoại của chị Thắng cho H. H sử sụng số điện thoại 0328.63.78.77 gọi lại cho chị Thắng để tư vấn, H nói cho vay tiền dưới hình thức vay "đứng", tức là đóng tiền lãi hàng ngày, tiền gốc vẫn giữ nguyên, lãi suất vay 1.000.000đ, tiền lãi 01 ngày là 10.000đ tức là 1%/ngày, nghe vậy, chị Thắng và chị Dung đồng ý vay nên H hẹn chị Dung và chị Thắng xuống quán cà phê gần cổng chào ấp Hưng Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh để làm thủ tục vay tiền.

Do có làm ăn chung với chị Phạm Thị Thuỳ Tr, sinh năm: 1991, ngụ khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh và biết Trang cũng có nhu cầu vay tiền nên chị Dung nói lại sự việc vay tiền của H cho chị Trang biết thì chị Trang đồng ý vay.

Tương tự như chị Dung, chị Bùi Thị D, sinh năm: 1976, ngụ khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh biết được thông tin Nh đăng tải cho vay tiền, chị

Duyên liên hệ và được H tư vấn cho vay tiền. Sau khi vay được tiền, chị Duyên giới thiệu cho chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm: 1976, ngụ khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh và chị Phạm Thị Nh, sinh năm: 1960, ngụ ấp 10, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh để gặp H vay tiền.

Bằng cách thức trên, từ ngày 03/10/2022, H cùng T và Nh đã nhiều lần cho chị Trịnh Thị Kim D, Lê Thị Th, Phạm Thị Thuỳ Tr, Bùi Thị D, Nguyễn Thị Thu Tr và Phạm Thị Nh vay tổng cộng 275.000.000đ

Nguyễn Thanh T cùng Trần Minh H và Nguyễn Thanh Nh đã có hành vi cho Trịnh Thị Kim D, Lê Thị Th, Phạm Thị Thuỳ Tr, Bùi Thị D, Nguyễn Thị Thu Tr và Phạm Thị Nh vay tổng cộng 275.000.000đ, với lãi suất 365%/năm, Theo quy định trong Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất cao nhất là 20%/năm. Các bị cáo đã cho vay với mức lãi suất cao gấp 18, 25 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) và thu lợi bất chính số tiền 128,402,055 đồng

Các bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được pháp luật; biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó, các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh truy tố về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp và đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Hành vi của bị cáo T, bị cáo H và bị cáo Nh gây nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà hành vi của bị cáo còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, túng quẫn; gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo là đồng phạm giản đơn, không có tính chất chuyên nghiệp, không hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm. Ngoài ra khi áp dụng hình phạt cũng cần thiết phạt bổ sung mỗi bị cáo 30.000.000 đồng để đảm bảo tính răn đe và làm gươi cho người khác.

[3] Về tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiệm hành vi cho vay lãi nặng nhiều lần nhưng số tiền thu lợi bất chính của từng lần đều dưới 30 triệu đồng. Khi công dồn tất cả những lần cho vay lãi nặng thì mới được số tiền thu lợi bất chính 128,402,055 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh đã truy tố các bị cáo theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Nên Hội đồng xét xử không xem những lần phạm tội này là tình tiết tăng nặng trách

nhiện hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân đân tối cao

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Các bị cáo đã nộp số tiền 8.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Ông bà các bị cáo là người có công với cách mạng đã được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Xét các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử xét áp dụng mức hình phạt tương xứng nhưng cho hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh đề nghị áp dụng mức hình phạt và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với chị Đoàn Thị Xanh, anh Trần Văn C và anh Nguyễn Văn L, là những người cho bị cáo Nguyễn Thanh T vay tiền nhưng họ không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lộc Ninh không xử lý là đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Về tang vật vụ án:

Đối với số tiền 275.000.000đ, là tiền các bị cáo Nguyễn Thanh T cùng Trần Minh H và Nguyễn Thanh Nh dùng vào việc cho vay lãi nặng nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, hiện số tiền này những người vay chưa trả lại cho các bị can nên cần buộc những người vay có trách nhiệm nộp lại để sung ngân sách nhà nước, cụ thể: chị Trịnh Thị Kim D số tiền 95.000.000đ; chị Lê Thị Th số tiền 70.000.000đ; chị Phạm Thị Thuỳ Tr số tiền 10.000.000đ; chị Bùi Thị D số tiền 50.000.000đ; chị Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 20.000.000đ và chị Phạm Thị Nh số tiền 30.000.000đ.

Đối với số tiền 7.347.945đ, là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mà các bị cáo Nguyễn Thanh T cùng Trần Minh H và Nguyễn Thanh Nh đã thu được của những người vay nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 128,402,055đ, là tiền thu lợi bất chính mà thực tế các bị cáo Nguyễn Thanh T cùng Trần Minh H và Nguyễn Thanh Nh đã thu của những người vay

nên cần trả lại cho những người vay, cụ thể: Trả lại cho chị Trịnh Thị Kim D số tiền 37.622.329đ; trả lại cho chị Phạm Thị Thuỳ Tr số tiền 5.671.233đ; trả lại cho chị Lê Thị Th số tiền 29.395.890đ; trả lại cho Bùi Thị D số tiền 29.017.809đ; trả lại cho Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 10.775.342đ và trả lại cho chị Phạm Thị Nh số tiền 15.879.452đ.

[6] Về án phí*:* Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48; khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 17, điều 58, điều 65, khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân đân tối cao;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Minh H và Nguyễn Thanh Nh phạm tội *"*cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*"*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 01(một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo T 30.000.000 đồng

-Xử phạt bị cáo Trần Minh H 09(chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo H 30.000.000 đồng

-Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thanh Nh 09(chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo Nh 30.000.000 đồng.

2*)* Về tang vật vụ án*:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

-Buộc những người vay phải nộp số tiền đã vay để sung ngân sách nhà nước, cụ thể: Chị Trịnh Thị Kim D phảm nộp số tiền 95.000.000đ; chị Lê Thị Th phải nộp số tiền 70.000.000đ; chị Phạm Thị Thuỳ Tr phải nộp số tiền 10.000.000đ; chị Bùi Thị D phải nộp số tiền 50.000.000đ; chị Nguyễn Thị Thu Tr phải nộp số tiền 20.000.000đ và chị Phạm Thị Nh phải nộp số tiền 30.000.000đ.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T cùng Trần Minh H và Nguyễn Thanh Nh phải liên đới nộp số tiền 7.347.945đ để sung ngân sách nhà nước.

-Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T cùng Trần Minh H và Nguyễn Thanh Nh phải liên đới trả lại tiền cho những người vay, cụ thể: Trả lại cho chị Trịnh Thị Kim D số tiền 37.622.329đ; trả lại cho chị Phạm Thị Thuỳ Tr số tiền 5.671.233đ; trả lại cho chị Lê Thị Th số tiền 29.395.890đ; trả lại cho Bùi Thị D số tiền 29.017.809đ; trả lại cho Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 10.775.342đ và trả lại cho chị Phạm Thị Nh số tiền 15.879.452đ.

Quản thủ số tiền 8.000.000 đồng các bị cáo đã nộp để trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Thị Kim D, Phạm Thị Thuỳ Tr, Lê Thị Th, Bùi Thị D, Phạm Thị Nh và Nguyễn Thị Thu Tr (theo biên lai thu tiền số 0004229 ngày 22/11/2023 và biên lai thu tiền số 0004230 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh).

3) Về án phí*:* Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Minh H và Nguyễn Thanh Nh mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

4) Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật lên Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Lộc Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- CA huyện Lộc Ninh;
- CA tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Quốc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Phú **Nguyễn Kim Phụng** **Bùi Quốc Tú**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKS huyện Lộc Ninh*
- *Bị cáo, người bị hại*
- *Chi cục THADS huyện Lộc Ninh*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước*
- *CA huyện Lộc Ninh*
- *CA tỉnh Bình Phước*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Hùng

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh*
- *VKS huyện*
- *Bị cáo*
- *Chi cục THA huyện*
- *Sở Tư pháp*
- *CA huyện*
- *CA tỉnh*
- *Lưu*

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Hùng